

KHẢO SÁT THỂ LỰC VÀ LỰA CHỌN MÔN THỂ THAO CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ I NĂM HỌC 2019- 2020 CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HUẾ

ThS. Nguyễn Trung Trang

Trường Cao đẳng Y tế Huế

Tóm tắt: Hiệu quả của một chương trình môn học mới được đưa vào thay thế và áp dụng cần có sự khảo sát đánh giá sự phát triển của người học thông qua hoạt động học, từ đó mới thấy được hiệu quả của chương trình đó mang lại. Qua khảo sát sẽ giúp chúng ta có cách nhìn nhận sâu hơn về thực trạng thể lực của sinh viên, hiệu quả của chương trình dạy học, hiệu quả các bài tập, ý thức tự rèn luyện của sinh viên và các hoạt động Thể dục thể thao trường học. Mặt khác giúp chúng ta tìm ra các biện pháp để thúc đẩy sự phát triển tốt hơn ở nhiều mặt trong công tác giáo dục thể chất để đảm bảo sự phát triển và nâng cao sức khỏe cho sinh viên một cách hợp lý và khoa học khi thực hiện chương trình môn học.

Từ khóa: Khảo sát; thể lực; môn thể thao tự chọn; phát triển công tác giáo dục thể chất; sinh viên; trường Cao đẳng Y tế Huế.

Abstract: To evaluate the effects of a new subject program that will be replaced and applied, it is essential to conduct a survey of assessment of learners' development through learning activities. Based on the results, we can fully evaluate students' physical status and self- training, the effects of teaching curriculum, exercises as well as physical education. On the other hand, it helps us to find methods to promote advantages of many aspects of physical education to ensure the development and improve the health of students in a reasonable and scientific way in implementing the curriculum.

Keywords: Survey; physical; elective sport; development of physical education; student; Hue Medical College

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phát triển thể thao trường học có ý nghĩa chiến lược to lớn một mặt nhằm thúc đẩy giáo dục thể chất, nâng cao sức khỏe, đời sống văn hóa tinh thần của học sinh, sinh viên để chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực cho tương lai, mặt khác nhằm góp phần phát hiện những tài năng thể thao, nâng cao thể trạng, tầm vóc của người Việt Nam, đào tạo năng khiếu và tài năng thể thao cho đất nước.

Trong những năm qua trường Cao đẳng Y tế Huế đã có sự quan tâm rất nhiều đến

công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học. Đặc biệt năm 2017 trường Cao đẳng Y tế Huế đã được Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội phê duyệt về việc đào tạo ngành nghề trọng điểm; trong đó đào tạo 02 ngành Hộ sinh và Điều dưỡng ở cấp độ Asean và 02 ngành Dược và Kỹ thuật xét nghiệm ở cấp độ quốc tế [3]. Vì vậy, việc nâng cao thể chất cho học sinh, sinh viên nhà trường ngày càng cần được quan tâm hơn. Để đáp ứng được các yêu cầu về nguồn nhân lực trong công cuộc hội nhập và công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Năm học 2019- 2020 là năm học đầu tiên mà trường Cao đẳng Y tế Huế áp dụng chương trình môn học giáo dục thể chất mới theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội [2]. Vì vậy, việc khảo sát đánh giá sự phát triển thể lực của sinh viên sau khi học xong môn học Giáo dục thể chất giúp chúng ta có cách nhìn nhận sâu hơn trong công tác chuyên môn về sự phát triển thể lực, hiệu quả các bài tập, ý thức tự rèn luyện và các hoạt động Thể dục thể thao trường học.

Cùng với sự tìm hiểu nguyện vọng, sở thích phù hợp của sinh viên khi lựa chọn môn thể thao yêu thích để học tập, rèn luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân. Từ đó có thể rút ra được những kinh nghiệm để tìm ra những giải pháp mới hiệu quả hơn nhằm phát triển tốt hơn trong công tác Giáo dục thể chất trường học.

Để thực hiện nghiên cứu này chúng tôi sử dụng 04 phương pháp chính sau: Phương pháp nghiên cứu lý thuyết; Phương pháp

nghiên cứu thực tiễn; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp toán học thống kê.

Chúng tôi đã khảo sát đánh giá thể lực trước và sau khi học môn học Giáo dục thể chất; nhận thức về công tác Giáo dục thể chất trường học và sự lựa chọn môn thể thao yêu thích để học tập của 395 sinh viên Cao đẳng năm thứ I (2019- 2020) tại trường Cao đẳng Y tế Huế.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Khảo sát đánh giá tiêu chuẩn thể lực của sinh viên khi học môn học GDTC

1.1. Tổng hợp kết quả các tiêu chuẩn thể lực sau khi kết thúc môn học GDTC

Để so sánh sự phát triển thể lực của các em sinh viên năm I năm học 2019- 2020, nhóm nghiên cứu đã tổng hợp các số liệu thu được của 04 tiêu chuẩn đánh giá thể lực: Lực bóp tay thuận, Bật xa tại chỗ, Chạy con thoi 4 x 10m, Chạy tùy sức 5 phút mà đề tài đã lựa chọn so với mức tiêu chuẩn thể lực và theo Điều 16 của quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 09 năm 2008.

Bảng 1. Tổng hợp kết quả thể lực sinh viên Nữ trước và sau khi học môn học GDTC (n=342 SV)

TT	TRƯỚC KHI HỌC				SAU KHI HỌC			
	TUỔI	XL	SL	%	TUỔI	XL	SL	%
1	18 (133sv)	TỐT	0	0	18	TỐT	0	0
		ĐẠT	4	1.17		ĐẠT	30	8.77
		CHƯA	129	37.72		CHƯA	103	30.12
2	19 (165sv)	TỐT	0	0	19	TỐT	4	1.17
		ĐẠT	0	0		ĐẠT	33	9.65
		CHƯA	165	48.25		CHƯA	128	37.43
3	20 (44sv)	TỐT	0	0	20	TỐT	0	0
		ĐẠT	0	0		ĐẠT	2	0.58
		CHƯA	44	12.87		CHƯA	42	12.28
4	TỔNG (342sv)	TỐT	0	0	TỔNG	TỐT	4	1.17
		ĐẠT	4	1.17		ĐẠT	65	19.01
		CHƯA	338	98.83		CHƯA	273	79.82

Có thể thấy rằng sự tăng trưởng thể lực của các em sinh viên nữ sau khi học xong môn học GDTC có sự chuyển biến đáng kể. Tuy nhiên, khi tổng hợp xếp loại theo yêu cầu của tiêu chuẩn xếp loại thể lực theo

QĐ53/2008/QĐ- BGDĐT thì có thể nhận thấy rằng sự chuyển biến thể lực của các em là không đồng đều về các mặt năng lực thể lực của bản thân.

Bảng 2. Tổng hợp kết quả thể lực sinh viên Nam trước và sau khi học môn học GDTC (n= 53 SV)

TT	TRƯỚC KHI HỌC			SAU KHI HỌC				
	TUỔI	XL	SL	%	TUỔI	XL	SL	%
1	18 (18sv)	TỐT	0	0	18	TỐT	10	18.87
		ĐẠT	3	5.66		ĐẠT	5	9.43
		CHƯA	15	28.3		CHƯA	3	5.66
2	19 (21sv)	TỐT	0	0	19	TỐT	11	20.75
		ĐẠT	3	5.66		ĐẠT	2	3.77
		CHƯA	18	33.96		CHƯA	8	15.09
3	20 (14sv)	TỐT	0	0	20	TỐT	8	15.09
		ĐẠT	0	0		ĐẠT	2	3.77
		CHƯA	14	26.42		CHƯA	4	7.55
4	TỔNG (53sv)	TỐT	0	0	TỔNG	TỐT	29	54.72
		ĐẠT	6	11.32		ĐẠT	9	16.98
		CHƯA	47	88.68		CHƯA	15	28.3

Qua đánh giá chúng tôi thấy rằng sự tăng trưởng thể lực rất tốt của các em sinh viên nam sau khi học xong môn học GDTC, sự chuyển biến đồng đều đáng kể trong các tiêu chuẩn thể lực mà đề tài đã lựa chọn để khảo sát đánh giá. Điều này thể hiện rõ hơn ở Bảng 2; khi chưa học thì chỉ có 06/53 sinh viên đạt theo mức đạt trở lên nhưng sau khi học xong môn học GDTC có đến 38/53 sinh viên đạt ở mức đạt trở lên theo tiêu chuẩn xếp loại thể lực của QĐ53/2008/QĐ- BGDĐT đề ra.

1.2. Đánh giá kết quả sự phát triển các

tiêu chuẩn thể lực

Để có sự nhìn nhận sâu hơn về sự phát triển thể lực của sinh viên khi học môn học GDTC và các hoạt động thể thao trường học trong thời gian học tập; từ đó có thể rút ra những bài học kinh nghiệm để điều chỉnh nội dung, phương pháp giáo dục thể chất phù hợp với đối tượng sinh viên đang học tập tại trường. Chúng tôi đánh giá sự phát triển thể lực của sinh viên thông qua phương pháp so sánh 02 số trung bình tự đối chiếu và nhịp độ tăng trưởng và kết quả thu được như sau:

Bảng 3. So sánh kết quả các tiêu chuẩn thể lực của sinh viên Nữ (n= 342 SV)

TT	TC THỂ LỰC	$\bar{X}\bar{X}$ (Trước)	δ	$\bar{X}\bar{X}$ (Sau)	δ	T (tính)	T (P< 5%)	W (%)
1	LỰC BÓP TAY (kg)	24.3	2.2	26.2	3.1	13.2	1.96	7.6
2	BẬT XA(cm)	148.9	10.1	153.3	11.6	10.6	1.96	2.9
3	CHẠY 4 x 10M(s)	12.6	0.6	12.1	0.6	-16.4	1.96	-4.0
4	CHẠY 5 PHÚT(m)	800.1	68.4	930.9	483.9	4.9	1.96	15.1

Kết quả sau khi tổng hợp và tính toán chúng tôi thấy rằng $|T(\text{tính})|$ của sinh viên nữ đều có giá trị lớn hơn T (bảng) nên sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 5\%$. Nhịp độ tăng trưởng (W%) của các tiêu chuẩn thể

lực đã đánh giá có sự phát triển đáng kể. Tuy nhiên, các chỉ số có giá trị không đồng đều chứng tỏ sự phát triển thể lực của các em sau khi học cũng chưa được đồng đều.

Bảng 4. So sánh kết quả các tiêu chuẩn thể lực của sinh viên Nam ($n = 53$ SV)

TT	TC THỂ LỰC	\bar{x} (Trước)	δ	\bar{x} (Sau)	δ	T (tính)	T (P < 5%)	W (%)
1	LỰC BÓP TAY (kg)	39.7	2.7	46.9	5.3	11.4	2	16.7
2	BẬT XA (cm)	209.8	13.7	227.8	18.0	8.3	2	8.2
3	CHẠY 4 x 10M (s)	12.0	0.7	10.1	1.3	-7.9	2	-17.4
4	CHẠY 5 PHÚT (m)	942.7	83.9	1262.7	160.4	14.1	2	29.0

So với sinh viên nữ thì sinh viên nam chiếm số lượng ít hơn nhiều. Đây có thể là do ngành nghề đặc thù nên số sinh viên nam vào học tại trường rất ít. Tuy nhiên kết quả sau khi đánh giá, tổng hợp và tính toán chúng tôi thấy rằng $|T(\text{tính})|$ của sinh viên nam vẫn có giá trị lớn hơn T (bảng) nên sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 5\%$. Với các chỉ số của nhịp độ tăng trưởng (W%) của các tiêu chuẩn thể lực đã đánh giá có giá trị nhịp tăng trưởng rất tốt khi học xong môn học GDTC.

Nhận xét: So với quy định xếp loại theo QĐ53/2008/QĐ- BGDDT sinh viên nam có số lượng đạt trở lên tương đối cao so với sinh viên nữ; so với khi chưa học, sự tăng trưởng về các tiêu chuẩn thể lực của sinh viên nam là khá tốt và có sự đồng đều hơn so với khi bắt đầu học môn học.

Mặc dù cùng học và tham gia các hoạt động thể thao trường học cùng học một chương trình giống nhau. Tuy nhiên, có sự phát triển khác biệt sau khi học xong môn học giữa sinh viên Nữ và Nam. Đây là vấn đề khá cấp bách vì theo kế hoạch của QĐ1061/2017/QĐ- LĐTBXH đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2020 là có ít nhất 80% học sinh, sinh viên đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại theo

độ tuổi. Vì vậy, công tác GDTC nhà trường cần có những giải pháp mới, đặc biệt là trong công tác chuyên môn trong những năm tới nhằm phát triển tốt hơn, đồng đều hơn. Và quan trọng hơn nữa là cần nghiên cứu kỹ hơn để có những biện pháp, giải pháp có hiệu quả cao cho sinh viên nữ đang học tại trường.

2. Tìm hiểu về nhận thức công tác GDTC trường học và lựa chọn môn thể thao của sinh viên

Năm học 2019- 2020 là năm học đầu tiên mà trường Cao đẳng Y tế Huế áp dụng chương trình mới theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Vì vậy, nhóm nghiên cứu chúng tôi mạnh dạn khảo sát một số ý kiến sinh viên về; chương trình môn học, cách thức dạy học và hoạt động TDTT của nhà trường, môn thể thao tự chọn (yêu thích) theo định hướng nghề nghiệp. Kết quả khảo sát 395 sinh viên là số lượng tương đối lớn nên nếu số lượng khảo sát đạt trên 50% thì đó là kết quả khả quan cho mục tiêu nghiên cứu của đề tài và số lượng đạt 40% trở lên thì chúng tôi sẽ cân nhắc, xem xét trong quá trình nghiên cứu.

Qua kết quả khảo sát bằng phiếu phỏng

vấn chúng tôi nhận thấy rằng:

- Đa số các em đều đồng ý với thời lượng và cách phân bổ trong chương trình mới của môn học, ngoài thời gian học trên lớp các em có rèn luyện thêm các môn học trong chương trình ở nhà; có 52.2% có rèn thường xuyên tập luyện TDTT để nâng cao sức khỏe và 43.3% thỉnh thoảng có rèn luyện thêm.

- Công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học: Kết quả có 51.6% muốn học 02 buổi/tuần và 40.3% muốn học 01 buổi/tuần. Ngoài ra các em còn muốn học môn học vào buổi sáng (71.1%). Còn lại đa số đều đồng ý với cách bố trí như hiện tại của nhà trường về thời gian của 01 buổi học, cách bố trí lớp học và trong hoạt động TDTT trường học đa số các em đồng ý đã đáp ứng đủ nhu cầu và đồng ý thấy rất cần thiết thành lập các đội tuyển sinh viên của nhà trường

- Trong môn thể thao tự chọn: Đa số các em thấy cần thiết được tiếp tục học tập và rèn luyện môn thể thao mà các em đã được học ở cấp phổ thông (61.5%)

Các môn học Nhà trường có thể đảm bảo về sân bãi, dụng cụ...mà không có đóng thêm kinh phí để học tập, rèn luyện có 56.2% chọn môn học Bóng chuyền

Các môn học Nhà trường chỉ có thể đảm bảo một phần về sân bãi, dụng cụ...nên các em có đóng thêm kinh phí để học tập, rèn luyện có 65.3% chọn môn học Cầu lông

Một số môn có thể tổ chức dạy và học ở ngoài trường vì trường thiếu cơ sở vật chất; người học phải trả thêm kinh phí về sân bãi, dụng cụ... có 50.9% chọn học môn Bơi lội và 40% chọn học môn Bóng đá

Có đến 74.9% đồng ý tiếp tục tham gia tập luyện cùng CLB của nhà trường nếu có sau khi học xong môn học và 71.6% các em cho rằng đến khi ra trường môn thể thao đã

chọn để học tập, rèn luyện vẫn còn phù hợp với bản thân và nghề nghiệp.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng đa số sinh viên đã đồng ý với chương trình môn học, cách bố trí dạy học môn học và các hoạt động thể thao của nhà trường. Phần lớn các em đã có ý thức học tập và rèn luyện TDTT để nâng cao sức khỏe và có ý thức trong phong trào TDTT của nhà trường. Cơ sở vật chất nhà trường tuy còn hạn chế tuy nhiên vẫn đáp ứng được một số môn tự chọn yêu thích của các em như môn Bóng chuyền (56.2%), môn Cầu lông (65.3%). Các em vẫn có ý muốn tiếp tục rèn luyện môn thể thao đã chọn sau khi học nếu có các câu lạc bộ thể thao sinh viên nhà trường (74.9%) và vẫn cảm thấy phù hợp với điều kiện sau khi ra trường công tác (71.6%). Năm học 2019- 2020 các em đã được học đúng môn thể thao yêu thích là môn Cầu lông và môn Bóng chuyền; đây là 02 môn học có đủ điều kiện đáp ứng trong quá trình học tập của các em và của nhà trường.

KẾT LUẬN

Qua quá trình khảo sát, đánh giá thể lực và lựa chọn môn thể thao của sinh viên năm thứ I năm học 2019- 2020 của trường Cao đẳng Y tế Huế chúng tôi rút ra được một số kết luận sau:

- Chương trình môn học mới áp dụng, kết quả rèn luyện thể lực, phương pháp GDTC, hoạt động thể thao,... đang thực hiện có hiệu quả nhưng chưa đồng đều giữa sinh viên Nam và sinh viên Nữ. Vì vậy, công tác Giáo dục thể chất trường học; giảng viên giảng dạy cần quan tâm chú ý hơn trong công tác chuyên môn để phát triển đồng đều các năng lực thể thao của người học thông qua các hoạt động, học tập môn học đặc biệt là sinh viên nữ để các em có sự phát triển đồng đều các năng lực thể lực phù hợp với đặc điểm ngành nghề của các em. Và phát triển thể lực

cho các em để đạt tiêu chuẩn thể lực theo yêu cầu của các quy định.

- Công tác GDTC và hoạt động thể thao trường học qua khảo sát được sinh viên đánh giá cao về chương trình môn học, phương pháp tổ chức lớp học, thời gian học... Tuy nhiên các em còn có nguyện vọng muốn có các Câu lạc bộ thể thao sinh viên để được tiếp tục tập luyện sau khi học xong môn học và muốn nhà trường thành lập các đội tuyển thể thao sinh viên.

- Qua khảo sát về môn thể thao mà sinh viên yêu thích và lựa chọn theo điều kiện hiện có của nhà trường là môn Bóng chuyền (56.2%) và Cầu lông (65.3%). Đây là 02 môn học mà Bộ môn đang thực hiện trong quá trình giảng dạy vì đủ điều kiện về cơ sở

vật chất, sân bãi, giảng viên,...phù hợp với phong trào hoạt động thể thao của Đoàn trường. Ngoài ra do điều kiện về sân bãi của nhà trường không đảm bảo nhưng các em vẫn muốn học môn Bơi lội (50.9%) vì đây là môn học của đa số các em đã luyện tập ở cấp phổ thông mặc dù phải đóng thêm kinh phí khi tham gia học. Vì vậy, nhà trường cần quan tâm hơn nữa về cơ sở vật chất phục vụ cho các môn thể thao có trong chương trình học chính khóa đặc biệt là các môn tự chọn mà các em yêu thích luyện tập. Quy hoạch phát triển thêm sân tập các môn ngoại khóa nếu điều kiện cho phép để phong trào thể thao trường học ngày càng phát triển và để sinh viên có thể thường xuyên rèn luyện nâng cao sức khỏe hướng đến đạt mục tiêu theo QĐ1061/2017/QĐ- LĐTĐBXH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008, *Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*
- [2]. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2018), Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/ 9/2018, *Ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.*
- [3]. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2017), Quyết định số 1836/2017/QĐ-BLĐTBXH ngày 27/ 11/2017, *Phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016- 2025 và định hướng đến 2025.*
- [4]. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2017), Quyết định số 1061/2017/QĐ-BLĐTBXH ngày 05/ 07/2017, *Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/06/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016- 2020, định hướng đến 2025.*
- [5]. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- [6]. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học*, Nxb TĐTT, Hà Nội.
- [7]. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định 1076 QĐ-TTg ngày 17/06/2016, *phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025.*

Bài nộp ngày 17/6/2022, phản biện ngày 15/9/2022, duyệt đăng ngày 30/10/2022